

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 12-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng

2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khoa Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 tháng 3 và ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 04/TB-TA ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A; địa chỉ trụ sở: khóm X, phường Y, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vương Trí Th, sinh năm 1964, chức vụ: Trưởng Bộ phận Hướng dẫn và Giám sát trồng trọt lúa Nhật; là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 15/2021A/UQ-AKJ, ngày 24/12/2021); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ P, sinh năm 1983; địa chỉ: khóm Z, thị trấn Z1, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Minh H, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp V, xã V1, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; có mặt.

- Ông Cao Văn L, sinh năm 1983; địa chỉ: khóm Z, thị trấn Z1, huyện Tri Tôn, tỉnh An Gsiang; vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Bà Võ Thị Bích T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Khóm K, phường K1, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; có mặt.

- Ông Hà Thái L1, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp K2, xã K3, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 26/3/2021 và lời khai tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/11/2019, giữa Công ty A (sau đây gọi là công ty) với bà Lê Thị Mỹ P và ông Phạm Minh H có ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ lúa, theo Hợp đồng số 21/02/ĐX 19-20/ND ngày 17/11/2019 để thỏa thuận sản xuất và tiêu thụ lúa. Theo đó, các bên thỏa thuận: công ty có trách nhiệm cho bà P mượn tiền lúa giống 2.000.000 đồng/ha; chậm nhất đến ngày 27/3/2020, bà P có trách nhiệm bán cho công ty 35ha lúa DS1 vụ đông xuân năm 2019-2020; với giá 4.800 đồng/kg lúa tươi đạt quy cách sản phẩm cân tại ruộng, giá 5.000 đồng/kg lúa tươi đại quy cách sản phẩm cân tại nhà máy; ông H có trách nhiệm cho bà P tạm ứng tiền làm đồng 2.000.000 đồng/ha, thay mặt công ty thu mua lúa, thanh toán tiền mua lúa tại ruộng cho bà P khi thu hoạch, kiểm tra chất lượng sản phẩm, thay mặt công ty thu hồi các khoản nợ lúa giống và tạm ứng khử lẫn, chịu trách nhiệm quản lý chất lúa trong quá trình vận chuyển, vận chuyển lúa đến lò sấy của công ty ngay sau thu hoạch.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà P chỉ giao cho công ty sản lượng lúa diện tích thực tế quan sát ngoài đồng là 10ha, còn sản lượng lúa của diện tích 25ha chưa giao.

Ngày 22/4/2020, tại Ủy ban nhân dân xã Cô Tô, đã tiến hành hòa giải giữa công ty với ông Cao Văn L và ông H. Tại buổi hòa giải, ông L thừa nhận chưa giao đủ sản lượng lúa cho công ty tổng cộng 118,2ha (trong đó ông L chưa giao 42,4 ha, bà Lê Thị Mỹ P (vợ ông L) chưa giao 25ha, bà Cao Thị Mỹ Hạnh (em ông L) chưa giao 24ha, bà Cao Thị P (em ông L) chưa giao 10ha). Đến ngày 05/5/2020, ông L tiếp tục lập bản cam kết hẹn đến ngày 15/5/2020 sẽ thanh toán số tiền 232.400.000 đồng bồi thường đối với số lượng 116,2ha lúa chưa giao, nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện.

Công ty khởi kiện yêu cầu bà P và ông H cùng có trách nhiệm bồi thường theo đúng thỏa thuận tại Điều 7 Hợp đồng số 21/02/ĐX 19-20/ND ngày 17/11/2019, với số tiền 10.000.000 đồng/ha x 25ha = 250.000.000 đồng; yêu cầu duy trì Hợp đồng số 21/02/ĐX 19-20/ND ngày 17/11/2019 được ký kết giữa ông công ty với bà P và ông H.

Quá trình giải quyết vụ án, công ty rút lại yêu cầu duy trì Hợp đồng số 21/02/ĐX 19-20/ND ngày 17/11/2019.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, công ty đã nộp các tài liệu gồm: Hợp đồng số 21/02/ĐX 19-20/ND ngày 17/11/2019; phiếu thu mua lúa Nhật vào ngày 26/3/2020 thu mua 32.574kg lúa; phiếu thu mua lúa Nhật vào ngày 27/3/2020 thu mua 22.559kg lúa; Biên bản về việc hòa giải vụ hợp đồng sản xuất lúa DS1 vụ Đông Xuân 2019-2020 ngày 22/4/2020; Bản cam kết ngày 05/5/2020 của ông L.

Theo bản tự khai ngày 16/12/2020, biên bản ghi lời khai ngày 29/6/2021 và lời khai tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh H trình bày: Ông thống nhất với trình bày của công ty về thời gian và nội dung ký kết Hợp đồng số 21/02/ĐX 19-20/ND ngày 17/11/2019 được ký kết giữa công ty với bà P và ông. Theo nội dung hợp đồng ông chỉ có trách nhiệm cho bà P mượn 2.000.000 đồng/ha để bà P mua lúa giống trồng lúa, khi đến hạn thu hoạch ông có trách nhiệm thu gom lúa từ bà P giao, thay mặt công ty thanh toán tiền mua lúa và giao lại lúa thu mua được cho công ty. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà P chỉ giao cho ông tổng số lượng lúa 55.133kg và ông đã chuyển giao cho công ty đầy đủ. Đối với yêu cầu khởi kiện của công ty, ông không đồng ý bồi thường vì ông chỉ là người trung gian, không phải là người ký kết mua bán lúa với công ty.

Đối với lời khai của bà P và ông L: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà P, ông L để ghi nhận lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng bà P và ông L đều vắng mặt. Theo Biên bản xác minh ngày 09/3/2021 và Biên bản xác minh ngày 09/4/2020 xác định, bà P và ông L có đăng ký thường trú tại tổ 1, khóm Tô Phước, xã Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nhưng đã bỏ địa phương đi từ trước tết năm 2021.

Kết luận giám định số 09/KLGT-PC09(ĐV) ngày 26/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang kết luận: Dấu vân tay bên phải phía dưới mục Đại diện Bên B (bên mua – bà P) so với vân tay in trên bộ tờ khai, chỉ bản chứng minh nhân dân của bà P là do cùng một người in ra. Dấu vân tay bên trái không đủ yếu tố giám định truy nguyên đồng nhất.

Kết luận giám định số 53/KLGT-PC09(TL) ngày 14/05/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang kết luận: Chữ ký và chữ viết họ tên “Cao Văn L” trong Biên bản về việc hòa giải vụ hợp đồng sản xuất lúa DS1 vụ Đông Xuân 2019-2020 ngày 22/4/2020 và Bản cam kết ngày 05/5/2020 của ông L là do cùng một người ký và viết ra.

Theo Biên bản ghi lời khai ngày 08/3/2022, người làm chứng ông Hà Thái L1 khai: Ông biết giữa công ty và bà P có ký kết hợp đồng thu mua 35ha lúa từ bà P. Nhiệm vụ chính của ông là hỗ trợ kỹ thuật trồng trọt cho các hộ nông dân nên thực tế khi giám sát việc thu hoạch, ông L báo cho ông thu được bao nhiêu ký thì ông báo lại công ty bấy nhiêu để công ty giám sát khối lượng chênh lệch chứ ông không trực tiếp đứng cân lúa, cộng sổ. Việc báo cáo số lượng giữa ông với ông H, giữa ông với công ty chỉ bằng lời nói, không lập biên nhận hay tài liệu gì chứng minh. Do thời gian quá lâu và ông không ghi chép lại sổ sách nên cũng không nhớ đã cùng ông H thu lúa của bà P, vào những ngày nào, số lượng bao nhiêu, chỉ nhớ thu của bà P trong 02 ngày.

Theo Biên bản ghi lời khai ngày 08/3/2022, người làm chứng bà Võ Thị Bích T1 khai: Trong những ngày thu hoạch lúa của bà P, bà đều được công ty phân công giám sát địa bàn khác nên không tham gia thu lúa cùng bà P, vì vậy không biết rõ ông H đã thu lúa của bà P bao nhiêu, thiếu đủ thế nào.

Tại phiên tòa ngày 04 tháng 3 năm 2022,

Ông Vương Trí Th đại diện theo ủy quyền của công ty giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời khai người đại diện theo ủy quyền bà Trần Ngọc Châu đã trình bày. Ngoài ra, ông còn xác định, sai số tổng diện tích lúa chưa giao 118,2ha và 116,2ha giữa Biên bản hòa giải ngày 22/4/2020 của tại Ủy ban nhân dân xã Cô Tô và Bản cam kết ngày 05/5/2020 là do Ủy ban ghi nhầm, số liệu chính xác là 116,2ha; Việc bà P không giao đủ lúa cho công ty không có lỗi của ông H; việc công ty rút lại yêu cầu duy trì Hợp đồng số 21/02/ĐX 19-20/ND ngày 17/11/2019 là thay đổi yêu cầu, không phải rút một phần yêu cầu khởi kiện; Việc ông H có công thu gom và vận chuyển lúa khi nhận từ bà P giao cho công ty nên được hưởng tiền công tương đương số tiền chênh lệch khi ông H thu mua của bà P với giá 4.800 đồng/kg lúa và công ty thu mua lại từ ông H 5.000 đồng/kg lúa.

Ông Phạm Minh H giữ nguyên lời khai đã trình bày. Bên cạnh đó, ông còn xác định, ông có lập sổ ghi nhận việc thu gom lúa từ bà P nhưng bà P không ký tên. Đồng thời, ngày thu lúa của bà P có ông Hà Thái L1 là nhân viên của công ty chứng kiến.

Ông L và bà P vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa ngày 12 tháng 4 năm 2022,

Ông Vương Trí Th đại diện theo ủy quyền cho công ty, rút lại yêu cầu buộc ông H có trách nhiệm cùng bà P bồi thường cho công ty số tiền 250.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà P có trách nhiệm bồi thường 250.000.000 đồng.

Ông Phạm Minh H, ông Hà Thái L1 và bà Võ Thị Bích T1 giữ nguyên lời khai đã trình bày.

Ông L và bà P tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng không tham gia trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quy định Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Hợp đồng số 21 ngày 11/11/2019 xác định giữa Công ty với bà P và ông H có ký hợp đồng sản xuất và tiêu thụ lúa DS1 vụ Đông Xuân 2019-2020 với nội dung phía công ty cam kết đầu tư và tiêu thụ sản phẩm do bà P sản xuất, bà P cam kết sản xuất và bán sản phẩm cho bên công ty thông qua ông H với diện tích 35ha. Hợp đồng có điểm chỉ của bà P (theo kết luận giám định số 09 ngày 26/5/2021 của Công an tỉnh An Giang). Theo công ty trình bày, trong quá trình sản xuất, công ty và ông H đã cho bà P tạm ứng 2.000.000đ/ha tiền mua lúa giống theo danh sách nông dân nhận tiền tạm ứng theo hợp đồng vụ đông xuân 2019-2020 ngày 31/12/2019 và cử nhân viên địa phương theo dõi, hỗ trợ kỹ thuật để bà P trông lúa đúng theo hợp đồng nhưng bà P lại không giao đủ lúa như đã cam kết nên Công ty đã khởi kiện.

Căn cứ vào phiếu mua lúa nhật ngày 26/3/2020 và ngày 27/3/2020 giữa Công ty với ông H cũng như lời trình bày của ông H thì sau khi thu mua từ bà P 55.133kg lúa tương đương với diện tích 10 ha, ông H đã vận chuyển đến nhà máy giao cho Công ty đúng với số lượng đã thu mua từ bà P. Mặc dù việc thu mua lúa giữa ông H và bà P không được thể hiện bằng văn bản nhưng do bà P đã được triệu tập hợp lệ mà không có ý kiến phản hồi xem như bà P từ bỏ quyền của mình do đó lời trình bày của ông H có cơ sở chấp nhận

Từ những chứng cứ trên, nhận thấy Công ty đã thực hiện đúng trách nhiệm của mình đã cam kết nhưng bà P đã không giao đủ lúa cho công ty theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng do đó yêu cầu khởi kiện của công ty đối với bà P là có cơ sở chấp nhận.

Riêng đối với yêu cầu của Công ty đối với ông H nhận thấy: tại phiên tòa hôm nay, công ty rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông H nên đề nghị HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với bị đơn có địa chỉ tại tổ 2, khóm Tô Phước, thị trấn Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ pháp luật tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bà P và ông L đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai và thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[1] Về giá trị pháp lý của hợp đồng:

Căn cứ Kết luận giám định số 09/KLGT-PC09(ĐV) ngày 26/05/2021 và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã (nay là thị trấn) Cô Tô, huyện Tri Tôn tại Hợp đồng số 21/ĐX 19-20/ND ngày 17/11/2019, có cơ sở xác định: Hợp đồng số 21/ĐX 19-20/ND ngày 17/11/2019 được giao kết giữa công ty với bà P và ông H.

Căn cứ Hợp đồng số 21/02/ĐX 19-20/ND ngày 17/11/2019, có cơ sở xác định: Ngày 17/11/2019, giữa công ty với bà P và ông H có ký kết hợp đồng sản xuất và thu mua lúa Nhật. Các bên thỏa thuận, chậm nhất đến ngày 27/3/2020, bà P có trách nhiệm bán cho công ty sản lượng lúa Nhật của 35ha lúa DS1 vụ đông xuân năm 2019-2020, với giá 4.800 đồng/kg đối với lúa tươi đạt quy cách sản phẩm cân tại ruộng, giá 5.000 đồng/kg đối với lúa tươi đạt quy cách sản phẩm cân tại nhà máy; ông H có trách nhiệm cho bà P tạm ứng tiền làm đồng 2.000.000 đồng/ha, thay mặt công ty thu mua lúa, thanh toán tiền mua lúa tại ruộng cho bà P khi thu hoạch, kiểm tra chất lượng sản phẩm, thay mặt công ty thu hồi các khoản nợ lúa giống và tạm ứng khử lẩn, chịu trách nhiệm quản lý chất lúa trong quá trình vận chuyển, vận chuyển lúa đến lò sấy của công ty ngay sau thu hoạch, trường hợp bà P và ông H vi phạm hợp đồng không giao đủ sản lượng lúa thì mỗi bên phải bồi thường cho công ty 10.000.000 đồng/ha.

Như vậy, Hợp đồng mua bán lúa số 21/02/ĐX 19-20/ND ngày 17/11/2019 giữa công ty với bà P, ông H được giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Từ đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2] Về trách nhiệm bồi thường:

[2.1] Đối với bà Lê Thị Mỹ P:

Đại diện hợp pháp của công ty và ông H cùng cho rằng, quá trình thực hiện hợp đồng, bà P chỉ giao cho công ty tổng sản lượng lúa của 10ha (sản lượng thực tế), còn 25ha chưa giao. Công ty cung cấp chứng cứ chứng minh là phiếu thu mua lúa Nhật ngày 26/3/2020 thu mua 32,574 tấn và phiếu thu mua lúa Nhật ngày 27/3/2020 thu mua 22,559 tấn. Xét, đây đều là phiếu thu được xác lập giữa ông H và đại diện của công ty, không có xác nhận của bà P, nên các phiếu thu nêu trên không đủ cơ sở để chứng minh cho việc bà P đã giao hay chưa giao cho công ty sản lượng lúa bao nhiêu.

Xét, Biên bản về việc hòa giải vụ hợp đồng sản xuất lúa DS1 vụ Đông Xuân 2019-2020 ngày 22/4/2020, ông L thừa nhận ông cùng các hộ dân (nhưng không xác định cụ thể là ai) không thực hiện đúng hợp đồng và còn nợ tổng cộng 118,2ha lúa chưa giao; căn cứ Kết luận giám định số 53/KLGT-PC09(TL) ngày 14/05/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang xác định chữ ký trong Bản cam kết ngày 05/5/2020 là của ông L. Tại Bản cam kết, ông L thừa nhận còn nợ 116,2ha lúa chưa giao cho công ty nhưng không đề cập gì đến sản lượng lúa bà P chưa giao; sổ theo dõi việc thu mua lúa của ông H, chỉ có chữ viết của ông H mà không có xác nhận của bà P hay người nào khác chứng kiến. Nên 02 biên bản trên và sổ theo dõi đều không đủ cơ sở xác định sản lượng lúa bà P chưa giao là bao nhiêu.

Theo thỏa thuận của hợp đồng, bà P phải có trách nhiệm bán cho công ty 35ha lúa, nên nghĩa vụ chứng minh việc đã giao đủ hay một phần sản lượng lúa thuộc về bà P. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà P không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nào cho việc đã giao cho công ty sản lượng lúa bao nhiêu, còn nợ bao nhiêu, nên việc công ty xác định bà P đã giao 55,133 tấn lúa là có lợi cho bà P. Vì vậy, Tòa án chấp nhận lời khai này của công ty. Đối chiếu thỏa thuận tại điểm a khoản 2 Điều 3 Hợp đồng thì tổng sản lượng lúa 55,133 tấn mà công ty xác định bà P đã giao tương đương 6,47ha, còn nợ 28,53ha (theo năng suất tối đa 8,5 tấn/ha) và tương đương 8,48ha, còn nợ 26,52ha (theo năng suất tối thiểu 6,5 tấn/ha). Như vậy, lời khai của công ty cho rằng bà P đã giao sản lượng lúa của 10ha (tính theo thực tế) và còn nợ 25ha là có lợi cho bà P, nên chấp nhận lời khai của công ty.

Từ nhận định trên, đủ cơ sở xác định bà P đã không thực hiện bán đúng sản lượng lúa của 35ha cho công ty theo thỏa thuận của Hợp đồng số 21/02/ĐX 19-20/ND ngày 17/11/2019, chỉ bán sản lượng lúa 10ha, còn 25ha chưa bán. Hành vi của bà P là vi phạm nghĩa vụ của người bán nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty buộc bà P phải có trách nhiệm bồi thường cho công ty theo thỏa thuận tại Điều 7 Hợp đồng số 21/02/ĐX 19-20/ND ngày 17/11/2019 với số tiền 25ha x 10.000.000 đồng = 250.000.000 đồng.

[2.2] Đối với trách nhiệm bồi thường của ông Phạm Minh H: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của công ty rút lại yêu cầu buộc ông H có trách

nhiệm cùng bà P bồi thường cho công ty 25ha x 10.000.000 đồng = 250.000.000 đồng. Xét, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của công ty.

[3] Về chi phí, lệ phí tố tụng:

Chi phí tố tụng: Công ty yêu cầu trung cầu giám định dấu vân tay của bà P, kết luận giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ toàn bộ nên bà P có trách nhiệm chịu toàn bộ chi phí trung cầu giám định là 2.040.000 đồng theo Phiếu thanh toán bồi dưỡng giám định số 09/KLGT-PC09(ĐV) ngày 27/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang. Do công ty đã nộp tạm ứng thanh toán đủ, nên ông L có trách nhiệm trả cho công ty 2.040.000 đồng.

Lệ phí: Công ty có yêu cầu thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bà P và bà Cao Thị Phụng, Cao Thị Mỹ Hạnh, ông Cao Văn L trong tổng cộng 04 vụ án nên phải chịu lệ phí $\frac{1}{4}$ trên tổng lệ phí 4.500.000 đồng thể hiện theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 50 ngày 11/3/2022 của Công ty Cổ phần Thông tin truyền thông Công Lý và Hóa đơn giá trị gia tăng số 25 ngày 17/01/2022 của Chi nhánh Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ truyền thông tại Tp Hồ Chí Minh là 1.125.000 đồng. Công ty đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 đồng đối với nghĩa vụ bồi thường phải thực hiện.

Công ty được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà công ty đã nộp.

Ông H và ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 437 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 161, 180, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Angimex - Kitoku.

Buộc bà Lê Thị Mỹ P có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH Angimex -Kitoku 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty TNHH Angimex -Kitoku về việc yêu cầu ông Phạm Minh H cùng bà Lê Thị Mỹ P có trách nhiệm bồi thường 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

[3] Về chi phí, lệ phí tố tụng:

Bà Lê Thị Mỹ P có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Angimex -Kitoku chi phí trưng cầu giám định là 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng, theo Phiếu thanh toán bồi dưỡng giám định số 09/KLGT-PC09(ĐV) ngày 27/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang.

Công ty TNHH Angimex - Kitoku phải chịu 1.125.000 (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng lệ phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thể hiện theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 50 ngày 11/3/2022 của Công ty Cổ phần Thông tin truyền thông Công Lý và Hóa đơn giá trị gia tăng số 25 ngày 17/01/2022 của Chi nhánh Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ truyền thông tại Tp Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Angimex - Kitoku đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty A, ông Phạm Minh H, ông Cao Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Angimex -Kitoku số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0000540 ngày 27/10/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Bà Lê Thị Mỹ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

[5] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty TNHH Angimex - Kitoku và ông Phạm Minh H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Cao Thị Mỹ Hạnh và ông Cao Văn L là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt đúng quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND H. Tri Tôn (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS H. Tri Tôn (1);

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Đặng Thị Tâm